CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 326/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về định danh địa điểm

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về định danh địa điểm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về việc định danh đối với các địa điểm trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trừ các đối tượng thuộc Danh mục bí mật nhà nước); việc xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu định danh địa điểm; quản lý và vận hành Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc quản lý địa điểm hợp pháp;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu định danh địa điểm để phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội và các hoạt động khác theo quy định pháp luật;

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Định danh địa điểm là hoạt động thu thập, tạo lập dữ liệu và cấp mã định danh cho một địa điểm nhằm phân biệt địa điểm này với địa điểm khác.

2. Đối tượng được định danh địa điểm là các thửa đất, công trình kiến trúc, công trình xây dựng, kết cấu xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý và các đối tượng khác được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Cơ quan quản lý định danh địa điểm là cơ quan được Bộ Công an giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Chương II
ĐỊNH DANH ĐỊA ĐIỂM VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊNH DANH ĐỊA ĐIỂM

Điều 3. Nguyên tắc định danh địa điểm

1. Mỗi địa điểm chỉ có một mã định danh duy nhất, tuân thủ cấu trúc thống nhất trên toàn quốc, đảm bảo tính liên tục và ổn định, không trùng lặp trong toàn hệ thống.

2. Đối với loại đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ vị trí nào dọc đoạn đường giao thông đó thì cách gán định danh địa điểm cho đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông, theo đó địa điểm của đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối, địa chỉ tại các nút giao, điểm giao cắt trên tuyến hoặc điểm giao cắt với địa giới hành chính cấp tỉnh.

3. Việc định danh địa điểm, cấp mã định danh địa điểm được thực hiện dựa trên dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo kế thừa, đồng bộ, thống nhất; không thay thế chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan theo quy định của pháp luật.

4. Việc thực hiện định danh địa điểm phải đảm bảo tuân thủ quy định về quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Mã định danh địa điểm sau khi được tạo lập, gắn mã duy nhất cho một đối tượng cụ thể phải có tính ổn định lâu dài.

6. Cơ quan nhà nước được giao quản lý chuyên ngành đối với đối tượng thuộc danh mục định danh địa điểm hoặc cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chứa dữ liệu gốc về sự hình thành, tồn tại, biến động của đối tượng có trách nhiệm chủ trì rà soát, chuẩn hóa, thu thập dữ liệu, đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm để thực hiện cấp mã định danh địa điểm.

Điều 4. Cấu trúc định danh địa điểm

Mã định danh địa điểm là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số do Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm xác lập. Mỗi địa điểm được gắn một mã định danh riêng biệt, không trùng lặp, bảo đảm tính ổn định, mở rộng và khả năng liên kết, tích hợp, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 5. Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm

1. Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm là cơ sở dữ liệu quốc gia, tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, được chuẩn hóa, lưu trữ và quản lý thông tin về địa điểm của các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

2. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, bao gồm:

a) Mã định danh địa điểm;

b) Đối tượng định danh địa điểm;

c) Địa chỉ của địa điểm;

d) Lối tiếp cận;

đ) Mã bưu chính;

e) Thông tin tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 hoặc hệ tọa độ toàn cầu WGS-84 (tọa độ điểm đặc trưng hoặc tọa độ biên);

g) Các thông tin của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có);

h) Trạng thái hoạt động của địa điểm: đang hoạt động, sử dụng, ngừng sử dụng, chuyển địa điểm, thay đổi cấu trúc, tính chất của địa điểm;

i) Tên địa điểm;

k) Thông tin kết cấu của địa điểm (nếu có);

l) Thông tin địa không gian ba chiều của địa điểm (nếu có);

m) Cơ quan chủ quản dữ liệu địa điểm (bao gồm tên cơ quan, số định danh tổ chức);

n) Dấu hiệu nhận biết của địa điểm (nếu có);

o) Cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng địa điểm (nếu có);

p) Thông tin địa chỉ các thành phần thuộc địa điểm: mã địa chỉ là chuỗi ký tự do hệ thống định danh địa điểm sinh ngẫu nhiên; thông tin mô tả địa chỉ;

q) Các thông tin khác của đối tượng định danh địa điểm được kết nối, chia sẻ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 6. Thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm

1. Dữ liệu về địa chỉ, đất đai, công trình kiến trúc, công trình xây dựng, kết cấu xây dựng, nền địa lý và các dữ liệu khác phục vụ định danh địa điểm được thu thập, tạo lập từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và được tổng hợp về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát, thu thập, tạo lập dữ liệu về các đối tượng cần định danh địa điểm, đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm để thực hiện cấp mã. Dữ liệu của đối tượng định danh địa điểm được đồng bộ bao gồm tối thiểu các trường thông tin tại điểm b, c, e, m khoản 2 Điều 5 của Nghị định này.

3. Công tác cập nhật và duy trì dữ liệu định danh địa điểm:

a) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu gốc liên quan đến đối tượng được định danh địa điểm có trách nhiệm rà soát, cập nhật thường xuyên, kịp thời dữ liệu thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý ngay khi có biến động và thực hiện đồng bộ, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm;

b) Dữ liệu địa điểm phải được điều chỉnh khi các điều kiện khách quan làm thay đổi thông tin của địa điểm, hoặc khi cơ quan quản lý đối tượng được định danh xác định có sai sót về thông tin địa điểm. Thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan đến địa điểm được tự động cập nhật vào Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm kịp thời, chính xác;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền phản ánh về các sai sót của dữ liệu thông qua hình thức phản ánh, kiến nghị với cơ quan nhà nước; cơ quan tiếp nhận phản ánh có trách nhiệm chuyển ngay thông tin đến cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu gốc để kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền;

d) Trường hợp dữ liệu về cùng một địa điểm có sự sai lệch giữa các hồ sơ do các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý thì cơ quan được giao quản lý đối tượng, tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành về đối tượng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thống nhất điều chỉnh thông tin trước khi cập nhật vào Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp đã có dữ liệu bản đồ hoặc các hệ thống thông tin liên quan đáp ứng tiêu chuẩn về định danh địa điểm có trách nhiệm chia sẻ, cung cấp cho Bộ Công an để cập nhật, tích hợp vào Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm nhằm bảo đảm tính kế thừa, tiết kiệm và tránh lãng phí.

Điều 7. Khai thác dữ liệu định danh địa điểm từ Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm

1. Dữ liệu định danh địa điểm được kết nối, chia sẻ, khai thác phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế xã hội. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu định danh địa điểm phải đúng mục đích, phạm vi và thẩm quyền; không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mà các thông tin trong thành phần hồ sơ đã có dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

2. Đối tượng, phương thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân được khai thác dữ liệu công khai về định danh địa điểm trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia, nền tảng định danh và xác thực điện tử và các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

c) Tổ chức, cá nhân được khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm thông qua ứng dụng định danh quốc gia.

Trường hợp khai thác thông tin của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người dưới 14 tuổi phải được sự đồng ý của người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ; trường hợp người bị tuyên bố mất tích phải được sự đồng ý của người đang quản lý tài sản của người đó; trường hợp người đã chết phải được sự đồng ý của người thừa kế;

d) Người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người dưới 14 tuổi khai thác thông tin của mình thông qua người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ. Việc khai thác thông tin của người bị tuyên bố mất tích do người quản lý tài sản của người đó quyết định;

đ) Tổ chức, cá nhân không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này được khai thác dữ liệu về định danh địa điểm qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và phải nộp phí khai thác và sử dụng thông tin.

Trường hợp có nhu cầu khai thác thông tin khác trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, phải được sự đồng ý của chủ sở hữu, quản lý địa điểm đó.

3. Dữ liệu định danh địa điểm được quản lý và phân loại như sau:

a) Dữ liệu công khai: Bao gồm các dữ liệu được quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, h, i, n, p khoản 2 Điều 5 Nghị định này;

b) Dữ liệu không công khai: Bao gồm các dữ liệu được quy định tại điểm g, k, l, m, o, q khoản 2 Điều 5 Nghị định này. Việc khai thác, chia sẻ dữ liệu không công khai phải tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý định danh địa điểm của Bộ Công an có thẩm quyền cho phép khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Điều 8. Điều kiện, trình tự kết nối, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu kết nối theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 cần đảm bảo hệ thống thông tin đang quản lý đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu cấp độ 3.

2. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu kết nối theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi văn bản đề nghị nêu rõ phạm vi và mục đích thực hiện kết nối đến Cơ quan quản lý định danh địa điểm.

3. Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Cơ quan quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm có trách nhiệm phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an thực hiện kiểm tra an ninh, an toàn hệ thống thông tin của đơn vị đề nghị kết nối (trừ hệ thống thông tin quân sự và hệ thống thông tin cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ); thống nhất với cơ quan, tổ chức chủ quản cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin cần kết nối kết quả kiểm tra bằng văn bản.

4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra, Cơ quan quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm tiến hành việc kết nối Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức đề nghị kết nối.

5. Cơ quan, tổ chức được kết nối, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm có trách nhiệm lưu trữ, cung cấp lịch sử khai thác, sử dụng thông tin cho Cơ quan quản lý định danh địa điểm khi có yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước.

6. Thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm chỉ được sử dụng đúng mục đích cho phép và không được chuyển giao, chia sẻ hoặc cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức. Việc chia sẻ thông tin chỉ được thực hiện khi có yêu cầu hoặc sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì đầu tư, xây dựng Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm tập trung thống nhất từ trung ương đến địa phương bảo đảm thông suốt, liên tục, ổn định, an toàn, an ninh trong quá trình quản lý nhà nước; các phần mềm, thiết bị, hạ tầng phục vụ xử lý dữ liệu định danh địa điểm.

2. Chủ trì ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc định danh địa điểm; hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm phục vụ định danh địa điểm.

3. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ để thống nhất quy trình thu thập, tạo lập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu và cấp mã định danh địa điểm cho các đối tượng được định danh địa điểm; phương án kết nối, chia sẻ sử dụng, khai thác dữ liệu bảo đảm bảo mật, an ninh mạng, an toàn thông tin.

4. Ứng dụng Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm phục vụ trực tiếp công tác quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện, các công tác về an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, phòng chống thiên tai, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai xây dựng các phần mềm, ứng dụng định danh địa điểm tập trung trên toàn quốc, tích hợp các tiện ích phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

6. Kết nối, tích hợp, chia sẻ Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, cổng dịch vụ công quốc gia và các nền tảng khác theo quy định.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, hướng dẫn về định danh địa điểm.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp viễn thông triển khai các biện pháp bảo đảm hạ tầng viễn thông, Internet, truyền dẫn phục vụ hoạt động định danh địa điểm.

2. Phối hợp Bộ Công an rà soát, hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về định danh địa điểm để bảo đảm cấu trúc dữ liệu và mã định danh địa điểm có khả năng ánh xạ, liên thông với các hệ thống mã đang áp dụng hợp pháp tại Việt Nam.

3. Cập nhật, chia sẻ thông tin mã bưu chính quốc gia gắn cho đối tượng là phường, xã và các đơn vị hành chính tương đương với Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng và các đơn vị liên quan xây dựng quy định việc áp dụng hệ tọa độ, hệ quy chiếu trong định danh địa điểm để sử dụng thống nhất phục vụ kết nối, chia sẻ, tích hợp thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chia sẻ, đồng bộ thông tin Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai về các đối tượng được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn triển khai đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng.

2. Trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật thông tin của đối tượng trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ định danh địa điểm.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chia sẻ, đồng bộ về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm các dữ liệu về kết cấu hạ tầng xây dựng và các dữ liệu khác của các đối tượng được định danh địa điểm trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng đối với các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Hướng dẫn đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng và xây dựng cơ sở dữ liệu về tên đường, phố, công trình công cộng.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc định danh địa điểm đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý và không thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng; đảm bảo tính thống nhất về tọa độ, địa chỉ, tuân thủ nghiêm ngặt quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 15. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ

1. Triển khai xây dựng, nâng cấp, đưa vào vận hành, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan đến định danh địa điểm.

2. Chủ trì xây dựng quy trình thu thập, tạo lập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu cho các đối tượng được định danh địa điểm do mình quản lý và thống nhất với Bộ Công an; đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm phục vụ cấp mã định danh địa điểm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin do đơn vị thu thập, tạo lập.

3. Phối hợp với Bộ Công an, thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng, khai thác dữ liệu có trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm bảo đảm bảo mật, an ninh mạng, an toàn thông tin.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ trong việc thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

2. Phân công, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã thu thập, kiểm tra, cập nhật và quản lý dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ định danh địa điểm theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị tương ứng với danh mục đối tượng được định danh ban hành theo Nghị định này.

3. Tổ chức đánh số, gắn biển số nhà, công trình xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng; đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Thực hiện thu thập, tạo lập dữ liệu bản đồ nền, dữ liệu không gian phục vụ xây dựng bản sao số, đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các đối tượng thuộc danh mục định danh địa điểm đã có đầy đủ thông tin tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này thì các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện đồng bộ về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm để đảm bảo thực hiện khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với các đối tượng thuộc danh mục định danh địa điểm nhưng chưa có đầy đủ các thông tin phục vụ định danh địa điểm theo khoản 2 Điều 6 thì các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng lộ trình thực hiện thu thập, tạo lập, bổ sung và đồng bộ về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Điều 18. Điều khoản thi hành

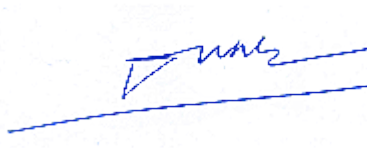
1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CĐS (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục

DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG ĐỊNH DANH ĐỊA ĐIỂM

(Kèm theo Nghị định số 326 /2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Đối tượng định danh địa điểm	Mã đối tượng
I	**Biên giới địa giới**	
1	- Cột mốc điểm cơ sở	AB01
2	- Điểm cơ sở	AB02
3	- Mốc quốc giới	AC02
4	- Cửa khẩu	CH01
II	**Mốc địa giới hành chính**	
5	- Mốc địa giới cấp tỉnh	AD08
6	- Mốc địa giới cấp xã	AD09
III	**Cơ sở đo đạc**	
7	- Trạm định vị vệ tinh quốc gia	BD02
IV	**Hạ tầng kỹ thuật khác**	
8	- Công trình xử lý bùn	CR03
9	- Nhà máy/công trình xử lý nước sạch đô thị	CR04
10	- Trụ nước chữa cháy	CR13
11	- Tháp nước, bể nước đô thị	CR19
12	- Trạm quan trắc khí tượng thủy văn	CR20
13	- Trạm quan trắc môi trường	CR21
14	- Trạm quan trắc tài nguyên nước	CR22
V	**Công trình văn hóa**	
15	- Công trình di tích	CN04
16	- Lăng tẩm	CN11
17	- Tháp cổ	CN18
VI	**Công trình tôn giáo, tín ngưỡng**	
18	- Chùa	CM01
19	- Đền	CM04
20	- Đình	CM05
21	- Miếu	CM07
VII	**Trụ sở cơ quan nhà nước**	CV00
VIII	**Cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp**	
22	- Cơ sở nuôi trồng thủy sản	CB03
23	- Nông trường	CB05

24	- Trang trại	CB07
IX	**Công trình xử lý chất thải**	
25	- Bãi chôn lấp rác	CO01
26	- Cơ sở xử lý chất thải nguy hại	CO02
27	- Cơ sở xử lý chất thải rắn	CO03
28	- Nhà máy/trạm xử lý nước thải tập trung thuộc hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị	CO04
29	- Khu xử lý chất thải	CO05
30	- Trạm trung chuyển chất thải rắn	CO06
X	**Công trình an ninh**	
31	- Trung tâm phòng cháy, chữa cháy	CC04
XI	**Công trình khác**	
XII	**Địa hình đặc biệt trên đất liền**	
32	- Cửa hang động	EB02
XIII	**Giao thông**	
	Đường bộ	
33	- Đường chuyên dùng	GK01
34	- Đường đô thị	GK02
35	- Đường quốc lộ	GK04
36	- Đường tỉnh	GK05
37	- Đường xã	GK06
	Công trình giao thông đường bộ	
38	- Bãi đỗ xe	GG01
39	- Bến ô tô	GG02
40	- Bến phà đường bộ	GG03
41	- Cầu đường bộ	GG05
42	- Cống đường bộ	GG06
43	- Hầm đường bộ	GG12
44	- Trạm dừng nghỉ	GG15
45	- Trạm kiểm soát tải trọng xe	GG16
46	- Trạm thu phí đường bộ	GG17
	Đường sắt	
47	- Đường sắt quốc gia	GL03
	Công trình giao thông đường sắt	
48	- Ga đường sắt	GH01
49	- Giao đường sắt và đường bộ có rào chắn	GH03
50	- Giao đường sắt và đường bộ không có rào chắn	GH04

	Công trình giao thông đường hàng không	
51	- Cảng hàng không	GN02
52	- Đường cất hạ cánh	GN04
53	- Nhà ga hành khách tại cảng hàng không	GN06
	Đường thủy/Hàng hải	
54	- Âu tàu	GM01
55	- Bến cảng biển	GM03
56	- Bến thủy nội địa	GM04
57	- Cảng thủy nội địa	GM07
XIV	**Nguồn nước**	
58	- Giếng nước	KM01
59	- Mạch nước	KM02
60	- Sông, suối (Mạng dòng chảy)	KK01
XV	**Mặt nước tĩnh**	
61	- Ao, hồ, đầm	KL02
62	- Hồ chứa (thủy điện, thủy lợi)	KL03
XVI	**Công trình trên đê**	
63	- Cửa khẩu qua đê	KH01
64	- Điểm canh đê	KH02
65	- Kè bảo vệ đê	KG01
66	- Cống thủy lợi	KG02
67	- Đập dâng	KG03
68	- Đê (tuyến đê, đoạn đê)	KG04
69	- Kênh, mương	KG05
70	- Trạm bơm	KG09
XVII	**Thửa đất**	
71	- Thửa đất	LA01
XVIII	**Đối tượng đặc thù khác phát sinh trong thực tiễn**	